

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 02 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Trung H, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Khóm 4, phường Tân T, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Bảo T, sinh năm 1989.

Cư trú tại: ấp Tân Thành A, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Trung H trình bày:

Về hôn nhân: Anh chung sống với chị Nguyễn Bảo T vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Đàm Dơi. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, tích cách không phù hợp, thường xuyên cãi nhau, đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Năm 2015, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân đến nay. Nay anh H xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên Phan Như Q , sinh năm 2011, hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi cháu Q , không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Anh H xác định không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Bảo T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định pháp luật, nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Bảo T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T .

[2] *Về hôn nhân:* Anh H với chị Nguyễn Bảo T chung sống vào năm 2009, đến ngày 27/3/2009 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn với chị T với những nguyên nhân sau: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tích cách không phù hợp, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay, anh H xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn chị T . Đối với chị T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ chị T để tham gia hòa giải nhưng chị T vẫn vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của anh H . Ngoài ra, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa anh H với chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H về việc ly hôn với chị T.

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Phan Như Q , sinh năm 2011, hiện đang sống cùng anh H . Khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi cháu Q , không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Q vào ngày 13/12/2020 cháu Q có nguyện vọng ở cùng với anh H và từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Q do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và hiện

cháu đang học lớp 3 tại Trường tiểu học Tân Thành. Do đó, cần giao cháu Q cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ*: Anh H xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Phan Trung H.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phan Trung H ly hôn với chị Nguyễn Bảo T .

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Như Q , sinh năm 2011 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Bảo Trân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009993 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)